

Bản án số: **110/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 29/8/2025

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình
về ly hôn và nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Hoàng và ôn6g Võ Văn Thanh.

Thư ký Tòa án: Ông Phan Văn Quốc- Thư ký TAND Khu vực 6-Đà Nẵng.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Đà Nẵng tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 61/2024/TLST–HNGĐ, ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Trần Thị Quý H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 23, thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ 23, thôn Q, xã T, thành phố Đà Nẵng.

Bà Trần Thị Quý H có mặt tại phiên tòa. Ông Nguyễn Công H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Trần Thị Quý H và ông Nguyễn Công H tự nguyện kết hôn và đăng ký tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (cũ) năm 2012. Do mâu thuẫn nên đến năm 2022 vợ chồng đã ly hôn. Đến năm 2023 vợ chồng đăng ký kết hôn lại tại UBND xã B. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện tại ông H đã chuyển đến nơi khác để sinh sống, thỉnh thoảng mới về nhà. Bà H nhận thấy tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn ông H.

Bà Trần Thị Quý H và ông Nguyễn Công H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày

11/6/2018. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Quý H không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Quý H khai không có.

- Ý kiến bị đơn: Mặc dù đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông H không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình, cố tình vắng mặt tại các phiên hoà giải, phiên toà. Do đó Toà án không ghi nhận được ý kiến về việc giải quyết vụ án của ông Nguyễn Công H.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

TAND huyện T (nay là TAND Khu vực 6-Đà Nẵng) thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành pháp luật khi tham gia tố tụng; đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà H ly hôn với ông H; giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Công H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Quý H và ông Nguyễn Công H kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND xã B nên hôn nhân của vợ chồng là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hiện tại, vợ chồng không còn sống chung do ông H đã chuyển đến nơi khác để sinh sống. Do vậy có căn cứ để xác định trong thời kỳ hôn nhân, ông H đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H ly hôn ông H.

[3] Về con chung:

Bà Trần Thị Quý H và ông Nguyễn Công H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 11/6/2018. Hiện nay các con chung đang sống bà H và có nguyện vọng được sống

với mẹ. Bà H hiện tại đang có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Ông H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu Bảo N và Nhật N cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi và nguyện vọng của các cháu. Bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4]- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5]-Về nợ chung: Bà H khai không có nợ chung nên không xét.

[6]- Án phí: Bà Trần Thị Quý H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, xử:

[1]-Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Quý H, cho bà Trần Thị Quý H ly hôn ông Nguyễn Công H.

[2]-Về con chung:

-Giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo N, sinh ngày 21/01/2013 và Nguyễn Hoàng Nhật N, sinh ngày 11/6/2018 cho bà Trần Thị Quý H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

-Ông Nguyễn Công H có quyền thăm con, không ai được cản trở.

[3]-Về án phí: Bà Trần Thị Quý H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà H đã nộp theo biên lai thu số 0009069 ngày 24/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

[4]-Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Quý H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (29/8/2025). Ông Nguyễn Công H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng.
- TAND TP Đà Nẵng.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Công Min

